

Bản án số: 271/2019/HC-PT
Ngày 17 tháng 5 năm 2019
“V/v: Khiếu kiện quyết định giải
quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản
lý đất đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Văn

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Sáng

Bà Trần Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 516/2018/TLPT- DS ngày 25 tháng 9 năm 2018 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính về lĩnh vực đất đai”.

Do có kháng cáo của người khởi kiện đối với bản án hành chính sơ thẩm số 19/2018/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 516/2019/QĐXX-PT ngày 10 tháng 04 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị Thu Q, sinh 1950;
Địa chỉ: đường Ng, phường 9, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt)
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Thị Thanh T – Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng (có mặt)

2. *Người bị kiện:*

- Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Đ.

Cùng địa chỉ: đường Tr, Phường 8, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng
- Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng
(người bị kiện vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)
3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Tấn H (đã chết)
Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H:
- Ông Nguyễn Thành L, sinh 1984; Địa chỉ: đường Ng, Phường 9, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.
Người đại diện theo ủy quyền của ông Long: Bà Nguyễn Thị Thu Q, sinh 1950; Địa chỉ: đường Ng, Phường 9, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Theo văn bản ủy quyền ngày 27-05-2018), Có mặt.
- Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh 1979; Địa chỉ: đường Ng, Phường 9, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.
Người đại diện theo ủy quyền của bà V: Bà Nguyễn Thị Thu Q, sinh 1950; Địa chỉ: đường Ng, Phường 9, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Theo văn bản ủy quyền ngày 27-05-2018), Có mặt.
- Ông Nguyễn Thành Đ, sinh 1977; Địa chỉ: đường Ng, Phường 9, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ghi ngày 22-6-2017; đơn sửa đổi, bổ sung ghi các ngày 13-7-2017, ngày 21-7-2017, ngày 28-7-2017 người khởi kiện bà Q trình bày: Căn nhà và diện tích đất tọa lạc số 8 đường Ng, Phường 9, thành phố Đ (sau đây gọi tắt căn nhà, đất số 8 Ng) thuộc sở hữu của vợ chồng bà Q và ông H (ông H chết ngày 13-11-2016), nguồn gốc của ông Tạ Văn U (tên tham gia cách mạng là Nguyễn Văn Ngh, tên thật là Tạ Văn U, đã chết sau đây viết tắt ông U), xác nhận bán cho vợ chồng bà Q, ông H (đổi 5m³ gỗ). Tuy nhiên, UBND thành phố Đ lại cho rằng căn nhà, đất này ông U đã hiến cho nhà nước, dẫn đến nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận QSD đất, sở hữu nhà gắn liền đất (sau đây gọi tắt sổ sở hữu) nhưng sau đó thu hồi, hủy bỏ là không đúng.

Khi mở rộng đường Ng và thu hồi đất nhưng không bồi thường, nên bà Q, ông H (thời điểm ông H còn sống) đã khiếu nại; Chủ tịch UBND thành phố Đ giải quyết tại Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 27-7-2016 (sau đây viết tắt QĐ số 2227/QĐ-UBND) không chấp nhận khiếu nại. Không đồng ý với Quyết định này, bà Q (sau khi ông H đã chết) khiếu nại và được Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng giải quyết tại Quyết định số 2009/QĐ- UBND ngày 13-9-2016 (sau đây viết tắt QĐ số 2009/QĐ-UBND) không chấp nhận khiếu nại; giữ nguyên QĐ số 2227/QĐ-UBND đều không đúng quy định pháp luật;

Theo QĐ số 2227/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại lần đầu; QĐ số 2009/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại lần 2 đều viện dẫn ông U lập văn bản “tờ hiến nhà” ghi ngày 27-10-1976 cho nhà nước, đối với căn nhà, đất số 8 Ng; được ủy ban nhân dân Cách mạng xã T, huyện B, tỉnh Long An xác nhận ngày 27-10-1976 là không đúng và bị giả mạo, đã được ông U làm rõ xác định do bà Kiều H giả chữ ký vào năm 1979, bà Tạ Thị B xác nhận không ký văn bản này.

Nay bà Q khởi kiện, đề nghị Hủy QĐ số 2227/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố Đ; Hủy QĐ số 2009/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng; Yêu cầu cấp lại sổ sở hữu; thực hiện việc bồi thường khi thu hồi diện tích 200m² đất; diện tích 67m² nhà ở cấp 4.

* Theo ý kiến của đại diện người bị kiện UBND thành phố Đ; Chủ tịch UBND thành phố Đ trình bày. Thực hiện triển khai dự án công trình cải tạo, nâng cấp đường Ng, thành phố Đ, đã thu hồi đất 02 lần (lần 01 vào năm 1996, diện tích 128m²; lần 02 vào năm 2014 diện tích 67m²) để mở rộng đường Ng là đúng.

Về phía vợ chồng bà Q, ông H khiếu nại về thu hồi nhà, đất nhưng không được bồi thường. Do vậy, sau khi kiểm tra, xác minh, làm việc với người khiếu nại; Chủ tịch UBND thành phố Đ giải quyết tại QĐ số 2227/QĐ- UBND; không chấp nhận với lý do “*người khiếu nại không cung cấp được tài liệu có liên quan, việc thu hồi đất vào 1996, nay đã hết thời hiệu khiếu nại*”. Ngoài ra, diện tích đất 128m² đất và vật kiến trúc thuộc lộ giới, nên căn cứ khoản 2 Điều 14 Nghị định số 36/CP ngày 29-5-1995 của Chính phủ quy định về bảo đảm an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị, nên việc thực hiện sai tỏa bờ rào, nhà cửa nằm trong phạm vi tu sửa, trùng tu đường Ng đã được UBND Phường 9 thông báo ngày 09-10-1996.

Đối với khiếu nại thu hồi diện tích 67m² để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng đường Ng nhưng chưa tính toán bồi thường. Tuy nhiên, sau khi kiểm tra, xác minh về nguồn gốc căn nhà, đất số 8 Ng của ông U đã hiến cho nhà nước ngày 27-10-1976, được Ủy ban nhân dân Cách mạng xã T, huyện B, tỉnh Long An xác nhận. Sau khi tiếp nhận nhà, đất hiến; tháng 8-1977, Ty Quản lý nhà đất và công trình công cộng tỉnh Lâm Đồng đã giao cho Chi cục Kiểm lâm Nhân dân tỉnh Lâm Đồng quản lý sử dụng, để bố trí làm Văn phòng làm việc và chỗ ở cho Đội phòng chống cháy rừng của Chi cục kiểm Lâm. Ông Nguyễn Tấn H (*chồng bà Q*) thời điểm này giữ chức vụ Chi cục Trưởng, Chi cục Kiểm lâm cùng gia đình (*vợ, các con*) cũng chuyển về ở tại căn nhà này. Sau một thời gian, Đội phòng chống cháy rừng chuyển Văn phòng làm việc đi nơi khác, vợ chồng ông H, bà Q tiếp tục sử dụng toàn bộ căn nhà này để ở.

Năm 2003, ông H, bà Q xây dựng Ki ốt với diện tích xây dựng là 73,06m² vi phạm lộ giới và khoảng lùi của đường Ng. Ngày 27- 10-2003, UBND phường 9 đã ban hành Quyết định số 06/QĐ-UB, về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Q với vi phạm Xây dựng ki ốt không có giấy phép. Phạt bổ sung đình chỉ thi công, tháo gỡ toàn bộ công trình, trả nguyên hiện trạng. Theo Điều 9 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định thời hiệu khiếu nại là 90 ngày, nên căn cứ khoản 6, Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định các khiếu nại không được thụ lý giải quyết do đã hết thời hiệu khiếu nại, nên việc ông H, bà Q khiếu nại là không có cơ sở để thụ lý giải quyết.

Căn cứ nguồn gốc sử dụng đất được ông H kê khai không đúng nguồn gốc và hồ sơ nhà đất được đang lưu giữ tại Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng; Kết luận của Thanh tra tỉnh Lâm Đồng tại báo cáo số 235/BC-TTr ngày 31-3-2004; Văn bản chỉ đạo số 1415/UB ngày 20-4-2004 của UBND tỉnh Lâm Đồng.

Đối với sổ sở hữu số hiệu N421166 ngày 12-4-1999; sổ sở hữu số hiệu BB587375 ngày 14-02-2011 đứng tên ông H, bà Q không đúng về nguồn gốc nhà đất nêu trên. Do vậy, căn cứ khoản 2 khoản 3 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; điểm b khoản 4 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; UBND thành phố Đ ban hành QĐ số 1505/QĐ-UBND ngày 20-5-2015 về thu hồi, hủy bỏ sổ sở hữu số hiệu N421166 cấp ngày 12-4-1999; sổ sở hữu số hiệu BB 587375 cấp ngày 14-02-2011, đối với diện tích 471,20m² thửa 107 bản đồ số 14 (C71-I- C), phường 9, thành phố Đ đứng tên ông H, bà Q với căn cứ “*cấp không đúng về nguồn gốc nhà, đất*”, nên việc bà Q khiếu nại đề nghị cấp sổ là không có căn cứ.

* Theo ý kiến của người đại diện theo ủy quyền người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng trình bày. Việc khiếu nại, giải quyết khiếu nại của ông H, bà Q được Chủ tịch UBND thành phố Đ giải quyết tại QĐ số 2227/QĐ-UBND. Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại, bà Q tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng.

Sau khi kiểm tra, xác minh; đối chiếu quy định pháp luật; việc giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thành phố Đ là có căn cứ. Do vậy, Chủ tịch UBND tỉnh Lâm Đồng giải quyết tại QĐ số 2009/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại của bà Q là đúng quy định; đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà Q.

Đối với người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông H (*anh Đ là con ông H*) cho rằng căn nhà, đất số 8 Ng thuộc sở hữu của vợ chồng bà Q và ông H, có nguồn gốc của ông U bán cho vợ chồng bà Q, ông H (*đổi 5m³ gỗ*), được lập văn bản và chính quyền địa phương chứng thực. Đối với tài liệu “*hiến nhà đất*” lưu giữ tại Sở Xây dựng do người bị kiện xuất trình là giả mạo; nhà đất ở thành phố Đ thì không thể xác nhận tại tỉnh Long An; bà B (*con ông U*) xác nhận không hề ký vào văn bản này, nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2018/HCST ngày 27/7/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng quyết định:

Bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu Q về yêu cầu hủy các Quyết định số 2227/QĐ.UBND ngày 27/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ; Quyết định 2009/QĐ.UBND ngày 13/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng; yêu cầu thực hiện việc bồi thường thu hồi đất; yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền trên đất đối với diện tích 471,20 m² tại thửa 107, tờ bản đồ số 14, Phường 9, thành phố Đ.

Án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 30/8/2018, bà Nguyễn Thị Thu Q làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bà Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện cho rằng ông H, bà Q đã ở trong căn nhà số 8 Ng hơn 40 năm, nguồn gốc của nhà này là ông H hoán đổi với ông U, việc cơ quan nhà nước cho rằng ông U đã hiến nhà trên cho nhà nước từ năm 1976 là không đúng. Cơ quan chức năng đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà Q từ năm 1997, sau đó ra Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà và tài sản gắn liền với đất. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Q.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Về nguồn gốc căn nhà số 8 Ng là của nhà nước giao cho Chi cục kiểm lâm tỉnh Lâm Đồng (từ ông U hiến cho nhà nước) sau khi cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu cho ông H, bà Q, cơ quan chức năng phát hiện cấp không đúng đối tượng nên đã ra quyết định thu hồi các giấy chứng nhận quyền sở hữu trên. Do nhà nước không công nhận quyền sở hữu căn nhà trên cho ông H, bà Q nên khi thu hồi đất mở rộng đường Ng không bồi thường cho bà Q là đúng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Q, giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào chứng cứ có tại hồ sơ, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của các Luật sư, quan điểm đại diện Viện Kiểm Sát. Hội đồng xét xử phúc thẩm cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Q là có căn cứ bởi các lẽ sau:

[1] Xét về nguồn gốc căn nhà số 08 đường Ng, thành phố Đ.

Ngày 12/8/1997 ông Nguyễn Văn H (chồng bà Q) lúc bấy giờ là Cục trưởng Chi cục kiểm lâm tỉnh Lâm Đồng có văn bản số 193/KL của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng. “Ngày 27/10/1976 ông Nguyễn Văn Ngh tự Tạ Văn U có hiến cho Tổng cục Lâm Nghiệp Miền Nam một ngôi nhà 1 tầng 4 gian, tường gạch, lợp tôn (địa chỉ: nhà số 08 Ng ấp Cô Giang, Đ..., Theo ý kiến của ông Lê Công Kh, nguyên là Tổng cục phó Tổng cục Lâm Nghiệp Miền Nam,... để cho Chi cục Kiểm Lâm Nhân dân Lâm Đồng triển khai sang ở đó canh giữ ngôi nhà nói trên. Đồng thời cũng là để giải quyết khó khăn trước mắt về chỗ ở cho cán bộ dân sinh trong Chi cục kiểm lâm nhân dân đang chật chội”.

Cũng trong tháng 8 năm 1977 Ty quản lý nhà đất và công tình công cộng Lâm Đồng đã có công văn đồng ý tạm cấp căn nhà trên cho Chi cục Kiểm Lâm Nhân dân Lâm Đồng sử dụng làm việc. Trong giấy tạm cấp Ty quản lý nhà đất và công tình công cộng Lâm Đồng quy định Chi cục Kiểm Lâm Nhân dân Lâm Đồng không được làm thay đổi cấu trúc ngôi nhà, khi Tỉnh cần thì Chi cục Kiểm Lâm trả lại, không được tự ý đơn phương giao cho cá nhân hay cơ quan khác.

Nêu 2 văn bản trên để thấy rằng từ năm 1977 Nhà nước đã xác lập quyền sở hữu Nhà nước đối với căn nhà số 08 Ng, thành phố Đ. Do đó, nếu có việc ông H, bà Q mua bán căn nhà trên với ông U bằng cách hoán đổi 5 m³ gỗ như lời bà Q khai thì việc sang nhượng trên vô hiệu.

[2] Do qui trình quản lý không chắc chắn nên năm 1977 sau khi nhận đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Sở Địa Chính tỉnh Lâm Đồng có văn bản số 06 ngày 10/7/1997 gửi Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 08 Ng, thành phố Đ cho ông H, bà Q.

Ngày 12/4/1999 và ngày 14/2/2001 Ủy ban Nhân dân thành phố Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà gắn liền với đất ở số 08 Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Đ cho ông Nguyễn Tấn H và bà Nguyễn Thị Thu Q. Nhưng bằng Quyết định số 1505/QĐ.UBND ngày 27/5/2015 Ủy ban nhân dân thành phố Đ đã bác bỏ và thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã cấp cho ông H, bà Q. Bản thân bà Q không khởi kiện Quyết định số 1505 ngày 27/5/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ. Do đó, Quyết định trên của Ủy ban Nhân dân thành phố Đ có hiệu lực pháp luật.

[3] Như đã phân tích ở trên bà Q không có căn cứ pháp lý để xác định Bà là người sở hữu hợp pháp đối với nhà và đất tại số 08 Ng, thành phố Đ. Nên khi mở rộng đường Ng khi thu hồi đất ở địa chỉ 08 Ng cơ quan có thẩm quyền không bồi thường giá trị quyền sử dụng đất đối với đất bị thu hồi cho bà Q là có căn cứ đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố Tụng Hành Chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu Q. Giữ y án sơ thẩm số 19/2018/HC-ST ngày 27/7/2018 của Tòa án Nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 158; Điều 164; Điều 191; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố Tụng Hành Chính. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH qui định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu Q về yêu cầu hủy các Quyết định số 2227/QĐ.UBND ngày 27/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ; Quyết định 2009/QĐ.UBND ngày 13/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng; yêu cầu thực hiện việc bồi thường thu hồi đất; yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền trên

đất đối với diện tích 471,20 m² tại thửa 107, tờ bản đồ số 14, Phường 9, thành phố Đ.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu Q phải chịu án phí sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí (theo tờ biên lai thu số 0002893 ngày 03/10/2017 và biên lai thu số 0010131 ngày 17 tháng 8 năm 2018 nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng) thành án phí sơ thẩm và phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Người khởi kiện;
- Người bị kiện;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Văn